

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2712/GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;
Xét đề nghị của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa tại văn bản số 1754/BVĐK-KSNK ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa” và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 514./TTr-STNMT-CCBVMT ngày 08 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ tại số 19 Yersin, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa” tại số 19 Yersin, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Số 19 Yersin, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- 1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 2461/1998/QĐ-UB ngày 31/8/1998 của

UBND tỉnh Khánh Hoà về việc kiện toàn tổ chức Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hoà.

1.4. Mã số thuế: 4200752766

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Phạm vi thực hiện: diện tích 31.310,9 m²

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 1.450 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hoà được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hoà có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND phường Lộc Thọ.

2.5. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang, UBND phường Lộc Thọ nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND thành phố Nha Trang;
- UBND phường Lộc Thọ;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +TL.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 237.12/GPMT-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt.
- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà bếp, căn tin.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ các phòng thí nghiệm, xét nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Nha Trang trên đường Yersin.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải sau xử lý tại số 19 Yersin, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°): X(m)=1354822; Y(m)=602394

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 900 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B; K = 1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế và Quyết định 824/QĐ-UBND ngày 07/04/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành tiêu chuẩn chất lượng nước thải xả vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Nha Trang, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	03 tháng/ 01 lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ *	mg/L	150		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	COD*	mg/L	270		quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
4	TSS*	mg/L	160		
5	Sunfua	mg/L	4,0		
6	Amoni*	mg/L	23		
7	Nitrat	mg/L	50		
8	Phosphat	mg/L	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	N tổng*	mg/L	30	-	
15	P tổng*	mg/L	7	-	

(Ghi chú: (*) các thông số được áp giá trị theo Quyết định 824/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 sau khi qua bể tự hoại được thu gom bằng ống UPVC DN150, DN200 và DN300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 900 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02, 04, 05 được thu gom bằng ống UPVC DN200 và DN300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 900 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03 sau khi qua tách rác và tách dầu mỡ được thu gom bằng ống UPVC DN150 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 900 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cụm bể xử lý AAO (Yếm khí - thiếu khí - hiếu khí) → Bể phản ứng → Vi lọc Băng tải → Hồ ga → Hệ thống thoát nước chung của thành phố Nha Trang.

- Công suất thiết kế: 900 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine 70% (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải; Đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn trong trạng thái hoạt động ổn định.

- Lắp đặt dự phòng các thiết bị dễ bị hư hỏng do nguồn điện và chế độ vận hành (các loại bơm chìm, bơm định lượng, máy thổi khí).

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Trường hợp mất điện lưới lập tức máy phát điện dự phòng phục vụ quá trình xử lý sẽ vận hành bình thường.

- Khi có sự cố xảy ra, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn thì lượng nước thải phát sinh của Cơ sở lưu chứa tạm thời tại bể thu gom, bể điều hòa với dung tích 328 m³ và các công trình khác nằm trong hệ thống. Chủ cơ sở chỉ thực hiện xả nước thải đảm bảo đạt giá trị quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Nha Trang.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (sau khi được cấp giấy phép môi trường 01 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 900 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước xử lý tại bể thu gom và nước thải sau xử lý tại hố ga trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Nha Trang.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 27122/GPMT-UBND ngày 13... tháng 11...
năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm L021.
- Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm L022.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 02 dòng khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm được thu gom xử lý xả ra môi trường qua ống khói đặt trong khuôn viên cơ sở.

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi giờ 3°):

- Nguồn số 01: X (m) = 1354679, Y (m) = 602259.
- Nguồn số 02: X (m) = 1354691, Y (m) = 602257.

Tại số 19 Yersin, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.000 m³/giờ/nguồn.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải gián đoạn theo thời gian hoạt động của hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp= 1,0; Kv= 0,6), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	600		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	300		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510		
5	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	30		
6	Cadmi và hợp chất (tính theo Cd)	mg/Nm ³	3		
7	Chì và hợp chất (tính theo Pb)	mg/Nm ³	3		

8	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	4,5	Điều 98 Nghị định số 08/2022/N Đ-CP)	2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/N Đ-CP)
9	Flo, HF, hoặc các hợp chất vô cơ của Flo, tính theo HF	mg/Nm ³	12		
10	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	30		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm sẽ được thu gom về hệ thống xử lý khí thải trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Hộp tán khí (cấp khí ozone) → Ống khói

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hướng dẫn, đào tạo nhân viên có kinh nghiệm vận hành, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải hàng ngày và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Vận hành hệ thống đúng quy trình, định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống thiết bị xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục; đồng thời chuyển giao toàn bộ lượng chất thải y tế lây nhiễm cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành tại văn bản số 2424/STNMT-CCBVMT ngày

13/6/2017).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày... tháng... năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy phát điện công suất 250 KVA.
- Nguồn số 02: Máy phát điện công suất 500 KVA.
- Nguồn số 03: Máy phát điện công suất 576 KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^o15', múi chiều 3^o):

- Nguồn số 01: X (m) = 1354747, Y (m) = 602377.
- Nguồn số 02: X (m) = 1354745, Y (m) = 602378.
- Nguồn số 03: X (m) = 1354722, Y (m) = 602409.

Tại số 19 Yersin, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Tăng cường việc trồng, bố trí cây xanh xung quanh trong khuôn viên của Cơ sở.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 12 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm	13 01 01	246.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	150
3	Pin thải	16 01 12	50
4	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 04	1.000
Tổng cộng			247.200

1.2. Khối lượng chất thải y tế lây nhiễm thu gom tại các cơ sở y tế trong cụm:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm	13 01 01	54.000
Tổng cộng			54.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải y tế thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất; Vỏ lọ vắcxin thải bỏ không thuộc loại vắcxin bất hoạt hoặc giảm độc lực	45.000
2	Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý bằng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm (tính chung cho cả cụm)	150.000
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	900

TT	Loại chất thải y tế thông thường	Khối lượng (kg/năm)
5	Bùn từ bể tự hoại	6.000
	Tổng cộng	201.900

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 750 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa màu đen có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa: Gồm Kho lữu giữ chất thải y tế nguy hại lây nhiễm và Kho lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm.

- Diện tích Kho lữu giữ chất thải y tế nguy hại lây nhiễm: 20 m².

- Diện tích Kho lữu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao quanh, nền lát gạch đảm bảo không bị thấm thấu, có mái che, có biển ghi chú và cảnh báo. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Nhà lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 75 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có mái che, nền bê tông, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh nước mưa từ bên ngoài tràn vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng thu gom có nắp đậy trong phạm vi cơ sở.

- Khu vực tập kết:

+ Diện tích: 20 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: có mái che, tường bao quanh.

2.4. Công trình xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm nghiêm theo mô hình cụm bệnh viện

2.4.1. Nhà xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm

- Diện tích: 120 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền nhà lát gạch, trần bê tông, tường bao quanh.

2.4.2. Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm bằng công nghệ vi sóng

- Tên thiết bị: Sterilwave 440 – Hãng Bertin – Pháp.
- Số lượng: 02
- Thông số kỹ thuật:
 - + Công suất xử lý: 30 - 35kg/mẻ;
 - + Dung tích khoang xử lý: ≥ 240 lít;
 - + Chất liệu khoang xử lý: thép không rỉ hoặc thép kỹ thuật chịu mài mòn;
 - + Thời gian xử lý trung bình: 40 phút/ mẻ;
 - + Hiệu quả khử khuẩn đạt QCVN 55:2013/BTNMT;
 - + Gia nhiệt và khử khuẩn chất thải: bằng vi sóng;
 - + Điện năng tiêu thụ trung bình: < 15 kWh/ mẻ;
 - + Bộ phận nghiền cắt: tích hợp sẵn trong khoang xử lý;
 - + Máy cắt: đơn trục;
 - + Lưới cắt: đặt dưới đáy khoang xử lý, khử khuẩn lưới cắt đồng thời với chất thải;
 - + Chất thải sau xử lý được nghiền vụn, khô bông, tươi xốp, không còn hình dạng ban đầu.
- Yêu cầu: Chất thải sau xử lý được khử tiệt khuẩn an toàn, không còn mầm bệnh gây hại, toàn bộ chất thải được cắt nhỏ, mịn và quản lý theo quy định về chất thải rắn công nghiệp thông thường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *12345*/GPMT-UBND ngày *12* tháng *11* năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./ *SL*

